

KẾ HOẠCH

Thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Thực hiện Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 (sau đây viết tắt là Quy hoạch lâm nghiệp); Quyết định số 575/QĐ-BNNMT ngày 01/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường Ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, định hướng, giải pháp và triển khai có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Xác định nội dung trọng tâm, tiến độ, các nguồn lực thực hiện, các chương trình, đề án, dự án nhằm thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

- Phân công trách nhiệm cụ thể giữa các sở, ngành, địa phương trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm tuân thủ, kế thừa, thống nhất, đồng bộ với quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; phù hợp với quy định của pháp luật về

quy hoạch, pháp luật về đầu tư công, pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan khác.

- Bảo đảm tính khả thi, linh hoạt, liên kết, thống nhất giữa các nhiệm vụ, các chương trình, đề án, dự án của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương; chú trọng tính đặc thù của lĩnh vực lâm nghiệp.

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm của các sở, ngành, chính quyền cấp xã và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị; đảm bảo sự phân công, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan có liên quan trong quá trình thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp.

- Phù hợp với khả năng cân đối, bố trí ngân sách nhà nước và huy động các nguồn lực tài chính hợp pháp khác để tổ chức triển khai các nội dung của Quy hoạch, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH

1. Một số nhiệm vụ trọng tâm

- Tập trung rà soát, điều chỉnh, cắm mốc ranh giới rừng, cụ thể trên thực địa, trên bản đồ và lập hồ sơ quản lý rừng.

- Rà soát, điều chỉnh các khu rừng phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp.

- Tổ chức điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng và xây dựng cơ sở dữ liệu; triển khai giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp.

- Xây dựng mới các công trình cơ sở hạ tầng phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp quốc gia và chương trình chuyển đổi số trong lâm nghiệp.

- Rà soát đánh giá tổng thể việc thực hiện quy hoạch trong 5 năm, đề xuất điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2026 - 2030. Đánh giá kết quả thực hiện cuối kỳ quy hoạch, chuẩn bị quy hoạch cho giai đoạn tiếp theo.

(Chi tiết các nhiệm vụ trọng tâm tại Phụ lục I kèm theo)

2. Triển khai các chương trình, đề án, dự án theo quy hoạch lâm nghiệp

a) Sử dụng vốn đầu tư công

Các chương trình, đề án, dự án sử dụng vốn đầu tư công được xác định theo nguyên tắc:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Lâm nghiệp và các quy định của pháp luật có liên quan.

- Sử dụng hiệu quả nguồn đầu tư công để kích hoạt, huy động, thu hút mọi nguồn lực xã hội, nhất là nguồn lực tư nhân tham gia công tác quản lý bảo vệ và phát triển rừng.

- Ưu tiên vốn đầu tư công để tập trung đầu tư 16 lĩnh vực và ưu tiên hỗ trợ đầu tư 09 lĩnh vực theo điểm a, điểm b khoản 7 Điều 1 Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Sử dụng các nguồn vốn khác

- Khuyến khích, huy động các nguồn vốn hợp pháp tham gia đầu tư quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; chế biến và thương mại lâm sản, xây dựng kết cấu hạ tầng, xây dựng hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp.

- Thu hút nguồn lực xã hội theo các hình thức: Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ khoa học, kỹ thuật trong các hoạt động của ngành lâm nghiệp, như: công tác quản lý, bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng, phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản; hình thức khác theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Kế hoạch sử dụng đất

Thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội về Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025; Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 06/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025 và chỉ tiêu quy hoạch đất lâm nghiệp tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Phương án phân bổ, khoanh vùng đất đai tại Quyết định số 1762/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ kế hoạch sử dụng đất quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương và các quy định pháp luật liên quan, các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật trong phạm vi của địa phương; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo hiệu quả.

(Chi tiết Kế hoạch sử dụng đất tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch này)

4. Nguồn lực thực hiện quy hoạch lâm nghiệp

Huy động, bố trí vốn ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật; lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác; vốn tín dụng từ tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài; đầu tư, đóng góp, ủng hộ, tài trợ từ tổ chức, cá nhân; nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật để thực hiện các dự án, hoạt động ưu tiên trong Quy hoạch lâm nghiệp đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 895/QĐ-TTg. Cụ thể:

- Vốn ngân sách nhà nước: Tập trung cho đối tượng rừng phòng hộ, đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, phương tiện phục vụ quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng; nghiên cứu, ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đào tạo nguồn nhân lực phục vụ quản lý nhà nước về lâm nghiệp; hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư các lĩnh vực, hoạt động lâm nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân tham gia đầu tư, tài trợ cho quản lý bảo vệ, phát

triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản; xây dựng kết cấu hạ tầng, hệ thống thông tin ngành lâm nghiệp; chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản.

Trong quá trình xây dựng, triển khai các dự án cụ thể, bao gồm cả các dự án chưa được xác định trong danh mục dự án ưu tiên đầu tư, cơ quan có thẩm quyền chấp thuận hoặc quyết định chủ trương đầu tư xác định vị trí, diện tích, quy mô, công suất dự án, phân kỳ đầu tư các công trình, dự án phù hợp với khả năng huy động nguồn lực, yêu cầu thực tiễn và theo đúng các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch; xây dựng các chương trình, đề án, dự án để triển khai, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và theo định hướng của Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia; tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng tham gia ý kiến, giám sát hoạt động quy hoạch.

b) Chủ trì rà soát các quy định pháp luật chuyên ngành, phối hợp với các sở, ngành, địa phương đề xuất sửa đổi, bổ sung, ban hành mới cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, tạo sự thông thoáng và thuận lợi để thu hút đầu tư vào lĩnh vực lâm nghiệp.

c) Tổ chức triển khai nhiệm vụ trọng tâm thực hiện quy hoạch: (i) điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng, phòng cháy chữa cháy rừng; (ii) phân định ranh giới rừng, đóng mốc phân định ranh giới rừng; (iii) giao rừng, cho thuê rừng gắn với giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, thu hồi rừng, chuyển loại rừng, chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định; (iv) lập hồ sơ quản lý rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp; (v) tổ chức phân vùng chi tiết rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh để tổ chức sản xuất, quản lý đảm bảo phù hợp với Quy hoạch lâm nghiệp tỉnh và các quy định hiện hành.

d) Định kỳ tổ chức báo cáo, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch lâm nghiệp cho từng giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030; rà soát, cập nhật báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, điều chỉnh phù hợp với thực tiễn và quy định của pháp luật trong từng thời kỳ.

2. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường cân đối, bố trí vốn đầu tư, vốn sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công để thực hiện Kế hoạch; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo phù hợp với các quy hoạch liên quan.

3. Các sở, ngành liên quan

Căn cứ vào các nhiệm vụ trọng tâm có liên quan trong Kế hoạch này, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, các địa phương thực hiện lồng ghép các

nhệm vụ chuyên ngành trong Quy hoạch lâm nghiệp và đề xuất các cơ chế chính sách để thực hiện hiệu quả; phối hợp kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp đảm bảo phù hợp với lĩnh vực chuyên ngành theo chức năng nhiệm vụ.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, Ủy ban nhân dân các xã có rừng

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; tổ chức hội nghị, hội thảo sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện nội dung Quy hoạch, Kế hoạch thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp trên địa bàn; giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Quy hoạch lâm nghiệp phù hợp với các quy hoạch liên quan của địa phương.

- Cụ thể hóa triển khai thực hiện các nội dung có liên quan đối với các nhiệm vụ trọng tâm nêu trên; phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nội dung tại điểm 1 mục III của Kế hoạch này.

- Trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của địa phương tổ chức thực hiện quản lý nhà nước về lâm nghiệp theo quy định của pháp luật trên địa bàn; quản lý chặt chẽ quỹ đất phục vụ triển khai Quy hoạch lâm nghiệp.

- Căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương tổ chức triển khai rà soát, xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, các dự án trên địa bàn bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với Quy hoạch lâm nghiệp; cập nhật nội dung các quy hoạch, đề án, dự án liên quan đang thực hiện trên địa bàn bảo đảm tính thống nhất đồng bộ giữa các Quy hoạch có liên quan, làm cơ sở để triển khai thực hiện; cập nhật nội dung các quy hoạch, đề án, dự án liên quan đang thực hiện trên địa bàn bảo đảm tuân thủ các định hướng về phát triển lâm nghiệp tại địa phương, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu thủ trưởng các sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã có rừng, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch này. Định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (khi có yêu cầu), báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời phản ánh bằng văn bản về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chỉ đạo./. *Đm*

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện/xã có rừng;
- Công thông tin điện tử;
- VPUB: CVP và các P.CVP;
- Lưu: VT, PKT (Tú.NN) *W*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Văn Trọng

Phụ lục I
NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KẾ HOẠCH THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA
THỜI KỲ 2021 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 25/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan, đơn vị chủ trì	Cơ quan, đơn vị phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Rà soát, điều chỉnh ranh giới, phân định ranh giới 3 loại rừng, cụ thể trên thực địa, trên bản đồ và lập hồ sơ quản lý rừng	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan, UBND các xã có rừng	2025-2030
2	Điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến và xây dựng cơ sở dữ liệu rừng	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan UBND các xã có rừng	2025-2030
3	Rà soát, điều chỉnh, xác lập các khu rừng phòng hộ phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan UBND các xã có rừng	2025-2030
4	Tổ chức triển khai việc giao đất, giao rừng, cho thuê rừng gắn với cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; xử lý dứt điểm diện tích đất lâm nghiệp bị chồng lấn, tranh chấp, lấn chiếm.	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan UBND các xã có rừng	2025-2030
5	Đầu tư, xây dựng, duy trì, vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lâm nghiệp quốc gia và chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực lâm nghiệp	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan	Hàng năm
6	Rà soát đánh giá tổng thể việc thực hiện quy hoạch trong 5 năm, đề xuất điều chỉnh quy hoạch giai đoạn 2026-2030 nếu cần thiết. Đánh giá kết quả thực hiện cuối kỳ quy hoạch, chuẩn bị cho quy hoạch giai đoạn tiếp theo.	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan UBND các xã có rừng	2025-2030
7	Xây dựng mới các công trình hạ tầng lâm sinh phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.	Sở Nông nghiệp và MT	Các sở, ngành có liên quan UBND các xã có rừng	Hàng năm



KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP THỰC HIỆN QUY HOẠCH LÂM NGHIỆP QUỐC GIA
THỜI KỲ 2021 – 2030 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 308/KH-UBND ngày 25 / 6 /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Đơn vị tính: ha

TT	Hạng mục	Hiện trạng năm 2020 (Theo QĐ 466/QĐ-UBND ngày 01/3/2021)					Quy hoạch đến năm 2030 ¹			
		Tổng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	Cộng	Đặc dụng	Phòng hộ	Sản xuất	
I	Diện tích đất lâm nghiệp	8.712,99		6.992,76	1.720,23	4.020	0	2.120	1.900	
1	Diện tích có rừng	1.956,15		1.337,39	618,76	2.100	0	1.180	920	
a	Diện tích rừng tính tỷ lệ che phủ	1.885,65		1.266,89	618,76	2.015,81	0	1.095,81	920	
	Rừng tự nhiên					0	0	0	0	
	Rừng trồng					2.015,81	0	1.095,81	920	
b	Diện tích mới trồng (chưa thành rừng)	70,5		70,5		84,19		84,19	0	
2	Diện tích chưa có rừng	6.756,84		5.655,37	1.101,47	1.920	0	940	980	
II	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	1%					1,57%			

¹ Số liệu được phân bổ tại Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

